

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc công bố xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính năm 2023 đối với các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 2866/QĐ-UBND ngày 14/10/2021 của UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 2085/QĐ-UBND ngày 25/9/2023 của UBND tỉnh ban hành Bộ tiêu chí đánh giá Chỉ số cải cách hành chính các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc;*

*Theo đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 229/TTr-SNV ngày 25/4/2024 về việc công bố xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính năm 2023 các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính năm 2023 đối với các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc như sau:

- Xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính năm 2023 các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh (*Phụ lục 1*).
- Xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính năm 2023 các sở, ban, ngành (*Phụ lục 2*).
- Xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính năm 2023 UBND các huyện, thành phố (*Phụ lục 3*).

**Điều 2.** Thủ trưởng các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh và các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố căn cứ kết quả xếp hạng Chỉ số đánh giá cải cách hành chính năm 2023 để chỉ đạo đơn vị liên quan khắc

phục những tồn tại, hạn chế trong việc thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính nhằm duy trì, cải thiện nâng cao Chỉ số cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị, địa phương trong những năm tiếp theo.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh và các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Nội vụ (b/c);
- TTTU, TTHĐND tỉnh (b/c);
- Các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- Các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh;
- Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh;
- Đài PT&TH tỉnh, Báo Vĩnh Phúc, Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- CPVP UBND tỉnh;
- CV NCTH VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT.

20/7

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Vũ Chí Giang**

**PHỤ LỤC 1**  
**KẾT QUẢ XẾP HẠNG CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2023**  
**CÁC CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG ĐÓNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**  
(Kèm theo Quyết định số 620 /QĐ-UBND ngày 03 / 5 /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

<b>Thứ tự xếp hạng</b>	<b>Tên cơ quan, đơn vị</b>	<b>Tổng điểm</b>	<b>Điểm đánh giá trực tiếp</b>	<b>Điểm ĐTXHH</b>
1	Ngân hàng nhà nước tỉnh	93,00	57,40	35,60
2	Bảo hiểm xã hội tỉnh	92,93	56,90	36,03
3	Công an tỉnh	92,79	56,40	36,39
4	Cục Thuế tỉnh	91,35	56,80	34,55
5	Kho bạc Nhà nước tỉnh	88,05	54,60	33,45
6	Chi cục Hải quan tỉnh	82,67	47,50	35,17

**PHỤ LỤC 2**  
**KẾT QUẢ XẾP HẠNG CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**  
**NĂM 2023 CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH**

(Kèm theo Quyết định số 620/QĐ-UBND ngày 03 / 5 /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

<b>Thứ tự xếp hạng</b>	<b>Tên cơ quan, đơn vị</b>	<b>Tổng điểm</b>	<b>Điểm đánh giá trực tiếp</b>	<b>Điểm ĐTXHH</b>
	<b>Điểm tối đa</b>	<b>100</b>	<b>60</b>	<b>40</b>
1	Sở Nông nghiệp và PTNT	93,14	55,50	37,64
2	Sở Công thương	93,01	55,84	37,17
3	Thanh tra tỉnh	92,91	55,96	36,95
4	Sở Khoa học và Công nghệ	92,58	55,92	36,66
5	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	92,53	55,86	36,67
6	Sở Nội vụ	92,50	56,63	35,87
7	Văn phòng UBND tỉnh	92,47	57,18	35,29
8	Sở Tài chính	92,30	57,97	34,33
9	Sở Kế hoạch và Đầu tư	92,06	56,95	35,11
10	Sở Thông tin và Truyền thông	92,05	56,36	35,69
11	Sở Xây dựng	89,96	53,24	36,72
12	Sở Giáo dục và Đào tạo	89,95	54,78	35,17
13	Sở Lao động, TB&XH	89,91	54,38	35,53
14	Sở Giao thông vận tải	89,65	53,76	35,89
15	Sở Ngoại vụ	89,63	54,98	34,65
16	Sở Tư pháp	89,26	53,31	35,95
17	Sở Y tế	89,25	53,23	36,02
18	BQL Các khu công nghiệp tỉnh	88,69	52,25	36,44
19	Ban Dân tộc tỉnh	88,31	51,15	37,16
20	Sở Tài nguyên và Môi trường	83,66	50,25	33,41

**PHỤ LỤC 3**  
**KẾT QUẢ XẾP HẠNG CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**  
**NĂM 2023 CỦA UBND CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ**

*(Kèm theo Quyết định số 620 /QĐ-UBND ngày 03 / 5 /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

<b>Thứ tự xếp hạng</b>	<b>Tên cơ quan, đơn vị</b>	<b>Tổng điểm</b>	<b>Điểm đánh giá trực tiếp</b>	<b>Điểm ĐTXHH</b>
1	UBND huyện Yên Lạc	92,15	55,32	36,83
2	UBND thành phố Vĩnh Yên	90,11	53,65	36,45
3	UBND huyện Vĩnh Tường	89,97	53,02	36,95
4	UBND huyện Bình Xuyên	89,88	53,18	36,70
5	UBND huyện Tam Đảo	89,39	52,57	36,82
6	UBND huyện Sông Lô	89,33	52,63	36,70
7	UBND huyện Lập Thạch	89,16	54,71	34,46
8	UBND thành phố Phúc Yên	87,61	53,50	34,10
9	UBND huyện Tam Dương	85,01	50,58	34,43